

Tác động dạy học môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật đối với lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng

Trần Phan Hiếu*, Trần Ngọc Ngà*

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Received: 2/03/2024; Accepted: 15/03/2024; Published: 5/4/2024

Abstract: The subject of Economic Education - Law at the high school level plays a role in guiding students' career choices, but research on the impact of teaching this subject on students' career choices remains limited. The purpose of this article is to present the results of a study on the impact of teaching Economic Education - Law on the career choices of high school students in Da Nang City. Data was collected through an online survey of 877 students from 11 high schools in Da Nang. Statistical methods used in this study include descriptive statistics, scale testing, exploratory factor analysis (EFA) to refine the data for multivariate analysis, regression analysis, and model fit testing. Based on the research results, the author identifies that high school students' career choices after graduation are influenced by five factors: curriculum content, teaching methods, teacher competence, student attitudes, and school support. The findings of the study will serve as a basis for improving textbook compilation, teachers adjusting teaching methods, and schools strategizing career guidance for students.

Keywords: Economic Education - Law, career choices, high school students; career orientation, Da Nang City.

1. Đặt vấn đề

Môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật là môn học tự chọn, được đưa vào giảng dạy ở bậc THPT từ năm học 2022 – 2023. Tại thành phố Đà Nẵng, năm học 2023 – 2024 có 36.202 HS theo học tại 34 trường THPT trong và ngoài công lập, môn giáo dục Kinh tế - Pháp luật được giảng dạy cho khối lớp 10 và 11 theo các tổ hợp môn tự chọn. Bài báo này sẽ đi sâu vào câu hỏi việc giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật ảnh hưởng như thế nào đến hoài bão nghề nghiệp của HS?. Qua việc phân tích dữ liệu chúng tôi mong muốn đóng góp những thông tin ý nghĩa liên quan đến cải cách giáo dục và các chiến lược phát triển nghề nghiệp cho các em HS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò định hướng nghề nghiệp của môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật trong trường phổ thông

Ý định lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT đề cập đến những quyết định và ước mơ được dự đoán liên quan đến sự nghiệp trong tương lai của họ. Nó bao gồm sở thích, mục tiêu và xu hướng của HS đối với các nghề nghiệp cụ thể hoặc lĩnh vực học tập mà họ dự định theo đuổi sau khi hoàn thành trung học. Những ý định này bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm sở thích cá nhân, giá trị, khả năng, kinh nghiệm, học vấn, môi trường xã hội kinh tế, tác động văn hóa

và quan điểm về cơ hội có sẵn.

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật là môn học cốt lõi dành cho những HS định hướng theo học các ngành nghề Giáo dục Chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính và Pháp luật. Nội dung chủ yếu của môn học gồm những vấn đề kinh tế và pháp luật mang tính ứng dụng, thiết thực với định hướng nghề nghiệp sau THPT của HS.

2.2. Kết quả nghiên cứu tác động của việc giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật đến lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Mẫu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu là HS đang theo học lớp 10 và 11 tại 11 trường phổ thông trung học trên địa bàn Đà Nẵng với phương pháp chọn mẫu thuận tiện và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 26. Nghiên cứu lấy khảo sát học sinh, hình thức online thông qua công cụ Google Docs, trong khoảng thời gian từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 4 năm 2024, kết quả thu về 903 quan sát, sau khi lọc dữ liệu (loại bỏ những phiếu không trả lời, trả lời sót và trả lời cùng 1 mức) còn lại 877 quan sát để phân tích. Trong đó, có 682 đối tượng HS lớp 10; 195 đối tượng học sinh lớp 11; 374 đối tượng giới tính là nam và 503 đối

tương là nữ;

2.2.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA và kiểm định tương quan

Các tác giả đã sử dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm tra mối quan hệ giữa các biến quan sát trên tất cả các yếu tố, nhằm xác định các biến quan sát tác động lên nhiều yếu tố hoặc biến quan sát bị phân bổ sai so với các yếu tố ban đầu. Các tiêu chí được sử dụng trong phân tích EFA bao gồm: thước đo Kaiser-Meyer-Olkin (KMO); Kiểm định Bartlett; Trị số Eigenvalue; Tổng phương sai trích; và Hệ số tải nhân tố.

Bảng 2.1. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.840
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	14092.715
	df	300
	Sig.	.000

Bảng 2.1 cho thấy thước đo KMO đạt giá trị 0,840, lớn hơn 0,5, cho thấy phân tích nhân tố là phù hợp. Thử nghiệm của Bartlett mang lại giá trị ý nghĩa (Sig) nhỏ hơn 0,05, chứng tỏ rằng các biến quan sát có tương quan với nhau trong tập dữ liệu tổng thể. Vì vậy, phân tích nhân tố khám phá (EFA) được cho là phù hợp.

Bảng 2.2. Kết quả EFA cho biến độc lập

Rotated Component Matrix ^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
GV1	.852				
GV3	.845				
GV2	.816				
GV4	.778				
GV5	.763				
CT2		.857			
CT4		.840			
CT1		.838			
CT3		.800			
CT5		.782			
HS2			.889		
HS4			.850		
HS5			.834		
HS3			.775		
HS1			.691		
NT3				.890	
NT5				.863	

NT2				.809	
NT1				.656	
NT4				.624	
PP1					.840
PP2					.796
PP4					.739
PP3					.729
PP5					.700

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.^a

a. Rotation converged in 5 iterations.

Từ kết quả thu được, 5 nhân tố được trích rút dựa trên tiêu chí Eigenvalue lớn hơn 1. Do đó, 5 nhân tố này tổng hợp thông tin của 25 biến quan sát được nhập vào EFA một cách hiệu quả nhất. Tổng phương sai được giải thích là 68,988%, lớn hơn 50%, cho thấy 5 yếu tố được trích xuất giải thích được 68,988% sự biến thiên trong dữ liệu của 25 biến quan sát liên quan đến EFA.

Bảng 3 cho thấy các biến quan sát có đặc điểm giống nhau đều hội tụ trong cùng một cột, chứng tỏ các biến này đều hội tụ về cùng một nhân tố. Hơn nữa, khi biểu diễn trong ma trận xoay, mỗi nhóm biến được tách thành các cột riêng biệt, chứng tỏ các biến quan sát này hội tụ về yếu tố này và khác biệt với các biến quan sát hội tụ ở yếu tố khác.

Bảng 2.3 thể hiện kết quả phân tích yếu tố EFA của biến phụ thuộc (LC - gồm 5 thang đo) cho kết quả Eigenvalue = 3.746 > 1 đã đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi yếu tố. Kết quả kiểm định biến phụ thuộc (LC) có hệ số Sig. = 0.000 < 0.05 và hệ số KMO = 0.884 cho thấy mô hình phân tích yếu tố là phù hợp.

Bảng 2.3. Kết quả EFA cho biến phụ thuộc

Total Variance Explained						
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
	1	3.746	74.917	71.917	3.746	74.917
2	.411	8.226	83.143			
3	.358	7.156	90.299			
4	.256	5.120	95.419			
5	.229	4.581	100.000			

2.2.3. Kết quả hồi quy

Theo EFA, các biến độc lập và phụ thuộc được sử dụng để tiến hành phân tích hồi quy đa biến. Để đánh giá tính phù hợp của mô hình, tác giả sử dụng phép kiểm F- test để kiểm định giả thuyết H0: R2=0.

Kết quả kiểm định thu được từ Bảng 5 cho thấy Sig = 0,000 < 0,05, do đó bác bỏ giả thuyết H₀, hàm ý rằng R² có ý nghĩa thống kê. Vì vậy, mô hình hồi quy được cho là phù hợp.

Bảng 2.4. Kết quả kiểm định F

ANOVA ^a						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	190.987	5	38.197	115.347	.000 ^b
	Residual	288.435	871	.331		
	Total	479.422	876			
a. Dependent Variable: F_LC						
b. Predictors: (Constant), F_NT, F_HS, F_CT, F_PP, F_GV						

Kết quả kiểm định từ Bảng 2.5 chỉ ra rằng trong số 5 yếu tố (biến độc lập) được đưa vào phân tích hồi quy đa biến, cả 5 yếu tố đều thể hiện mối quan hệ tuyến tính tích cực với lựa chọn nghề nghiệp. Bảng 6 cho thấy hệ số tương quan bội R² là 0,631, tương đối cao; hệ số tương quan bội bình phương được điều chỉnh là 0,359, cho thấy 35,5% sự thay đổi trong lựa chọn nghề nghiệp được giải thích bởi mối quan hệ tuyến tính giữa các khái niệm nghiên cứu.

Bảng này cũng cung cấp số liệu thống kê Durbin-Watson để đánh giá hiện tượng tự tương quan bậc một. Giá trị DW là 1,986 nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,5, cho thấy kết quả không vi phạm giả định về tự tương quan bậc nhất.

Bảng 2.5 Model Summary

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.631 ^a	.398	.395	.57546	1.986
a. Predictors: (Constant), F_NT, F_HS, F_CT, F_PP, F_GV					
b. Dependent Variable: F_LC					

Bảng 2.6 cho thấy 5 biến độc lập F_CT, F_PP, F_GV, F_HS và F_NT có hệ số hồi quy dương, chứng tỏ các biến độc lập này có tác động tích cực đến biến phụ thuộc. Hệ số lạm phát phương sai (VIF) là một chỉ số được sử dụng để đánh giá đa cộng tuyến trong các mô hình hồi quy. Theo Hair và cộng sự: khi VIF vượt quá 10 có thể xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến mạnh, bảng 7 cho thấy VIF của mỗi biến Sig đều nhỏ hơn 2, chứng tỏ số liệu không vi phạm giả định về đa cộng tuyến. Từ hệ số hồi quy Beta, tác giả xây dựng mô hình hồi quy chuẩn hóa phương trình như sau:

$$LC = 0.311NT + 0.221GV + 0.209PP + 0.177HS + 0.032CT + \varepsilon$$

Bảng 2.6. Kết quả hồi quy

Model B	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	

(Constant)	.608	.196		3.097	.002		
Chương trình môn học	.040	.033	.032	1.194	.233	.988	1.012
Phương pháp dạy học	.245	.033	.209	7.322	.000	.846	1.182
Năng lực giáo viên	.186	.029	.221	6.308	.000	.562	1.779
Thái độ học sinh	.186	.029	.177	6.477	.000	.923	1.084
Hỗ trợ Nhà trường	.278	.031	.311	8.990	.000	.579	1.728

2.2.4. Một số đánh giá và khuyến nghị

Về yếu tố hỗ trợ của Nhà trường, có tác động mạnh nhất đến sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học ở thành phố Đà Nẵng được xem xét dưới sự đánh giá của HS với $\beta = 0.311$. Vì vậy Nhà trường cần rà soát, nâng cấp thư viện, mạng internet để học sinh dễ dàng truy cập tài nguyên hỗ trợ quá trình học tập. Tổ chức các hoạt động ngoại khoá liên quan đến lĩnh vực kinh tế và pháp luật chẳng hạn các cuộc thi tuyên truyền pháp luật... Tổ chức các hội thảo, tọa đàm cung cấp thông tin nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, pháp luật.

Về yếu tố năng lực giáo viên: có tác động mạnh thứ hai đến đến sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học ở thành phố Đà Nẵng được xem xét dưới sự đánh giá của HS với $\beta = 0.211$. Năng lực của giáo viên dạy Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật thể hiện ở sự hiểu biết vững chắc tri thức khoa học, việc sử dụng các chiến lược dạy học phù hợp với phong cách học khác nhau... Ngoài ra sự hứng thú, đam mê trong dạy học và sự phản hồi kịp thời cho học sinh sẽ truyền cảm hứng cho học sinh theo đuổi nghề nghiệp có liên quan đến lĩnh vực kinh tế, pháp luật.

Về yếu tố phương pháp dạy học: có tác động mạnh thứ ba đến sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học ở thành phố Đà Nẵng được xem xét dưới sự đánh giá của HS với $\beta = 0.209$. Môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật có đặc thù tri thức gắn gũi với cuộc sống, vì vậy rất thuận lợi cho giáo viên áp dụng phương pháp dạy học tích cực, sử dụng các ví dụ từ thực tiễn cuộc sống. Nhờ đó học sinh dễ dàng tiếp cận các khái niệm, nguyên lí kinh tế và pháp luật.

Về yếu tố thái độ của học sinh: có tác động mạnh thứ tư đến đến sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học ở thành phố Đà Nẵng được xem xét dưới sự đánh giá của HS với $\beta = 0.177$. Sự quan tâm, tích cực chủ động trong giờ học, chủ động tìm kiếm các tài nguyên để làm sâu sắc thêm hiểu biết về môn

học... ở bậc học trung học phổ thông môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật có vị trí ngang hàng với các môn học tự chọn khác. Vì vậy học sinh không xem nhẹ và coi môn học này là môn phụ như là môn Giáo dục công dân trước đây.

Về yếu tố chương trình môn học: ít có ảnh hưởng nhất trong 5 yếu tố đến sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học ở thành phố Đà Nẵng được xem xét dưới sự đánh giá của HS với $\beta = 0.032$. Chương trình môn học cung cấp những kiến thức cơ bản của lĩnh vực kinh tế, pháp luật, tích hợp các ví dụ thực tế và các ứng dụng giúp cho học sinh cảm nhận rõ môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật có liên quan đến tương lai của các em.

3. Kết luận:

Việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sau trung học phổ thông có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố gia đình, môi trường xã hội... Tuy nhiên trong nghiên cứu này đứng dưới góc độ dạy học môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật trong trường phổ thông trung học, nhóm tác giả đã đo lường được tác động của việc dạy học đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông. Theo đó, Sự hỗ trợ từ phía nhà trường bao gồm (trang bị cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các buổi tọa đàm...)

có tính quyết định đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh; Vai trò của giáo viên và phương pháp dạy học có tác động mạnh đến hiểu biết, tình cảm của học sinh đối với nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, pháp luật.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/1018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (2009). *Multivariate Data Analysis (7th ed.)*. Upper Saddle River, NJ: Pearson Education.
3. Mai Quang Khuê (2022). Báo cáo tổng kết đề tài khoa học Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông.
4. Nguyen Thi Luu (2021). Factors affecting university choice of high school student in Vietnam during the Covid-19 pandemic.
5. Trịnh Lê Hồng Phương (2011). Vận dụng lí thuyết dạy học tương tác trong dạy học Hoá học ở trường trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*. <https://journal.hcmue.edu.vn/index.php/hcmuejos/article/viewFile/1693/1682>

Khám phá thống kê dữ liệu thông qua.....(tiếp theo trang 335)

Pha thứ 2: Tổng kết và đánh giá

Giáo viên đánh giá về mức độ hoàn thiện của hệ thống dữ liệu mà các nhóm đã xây dựng. Từ đó, làm nổi bật ứng dụng của nội dung thống kê trong chương trình học và cho thấy sự linh hoạt và sáng tạo trong việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

3. Kết luận

Bài viết này đã khẳng định tính hiệu quả và đóng góp của phương pháp dạy học theo dự án, giúp học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức về thống kê và phân tích dữ liệu mà còn phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy logic, và sáng tạo trong giải quyết vấn đề. Dự án “Phân tích ảnh hưởng của nguồn thu nhập đến chất lượng sống của gia đình giáo viên” còn cho phép học sinh áp dụng kiến thức vào thực tiễn, từ đó hiểu rõ hơn về đời sống và công việc của giáo viên, tăng cường sự tôn trọng và đồng cảm với họ. Qua đó, dự án không chỉ nâng cao trình độ học thuật mà còn góp phần phát triển nhân cách và tư duy xã hội của học sinh.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bá Kim (2017), Phương pháp dạy học môn Toán, NXB Đại học Sư phạm.
2. Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên) và Đỗ Hương Trà (2022), Dạy và học tích cực một số phương pháp và kĩ thuật dạy học, NXB Đại học Sư phạm.
3. Lê Thị Hoài Châu (2018), Thuyết nhân học trong Didactic Toán, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
4. Zhang, Lu, and Yan Ma (2023), A study of the impact of project-based learning on student learning effects: A meta-analysis study, *Frontiers in psychology* 14 (2023): 1202728.
5. Rodriguez-Sanchez, Cristina, et al, (2024), Insights 4.0: Transformative learning in industrial engineering through problem-based learning and project-based learning. *Computer Applications in Engineering Education* (2024): e22736.